

Số: 20/2022/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 18 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở
có thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ Quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền
sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 14 tháng
4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tư
pháp Quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có
thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;*

*Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;*

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ

trưởng Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật, đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 26/TTr-STP ngày 15 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất ở trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Bộ trợ tư pháp, Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TAND tỉnh, VKSND tỉnh, Cục THADS tỉnh, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh;
- NHNN Chi nhánh tỉnh Bắc Giang;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng, Trung tâm Thông tin;
- + Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất
cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**
(Kèm theo Quyết định số: 20/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi tắt là đấu giá quyền sử dụng đất ở).

2. Các quy định khác về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và các văn bản pháp luật hiện hành của nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; về đấu giá tài sản.
2. Các cơ quan, tổ chức được UBND cấp có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở.
3. Các tổ chức đấu giá tài sản; Hội đồng đấu giá tài sản.
4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Điều 3. Nguyên tắc đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Việc tổ chức đấu giá phải tuân thủ quy định của pháp luật, công khai, liên tục, khách quan, trung thực, bình đẳng.
2. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở, đấu giá viên.
3. Mọi cuộc đấu giá đều phải do đấu giá viên điều hành theo đúng trình tự, thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định hiện hành, trừ trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất ở thực hiện.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Quỹ đất thực hiện đấu giá

Quỹ đất thực hiện đấu giá là quỹ đất để giao đất ở tại đô thị, nông thôn cho hộ gia đình, cá nhân.

Điều 5. Điều kiện về thửa (lô) đất được tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Việc đấu giá quyền sử dụng đất ở được thực hiện theo giá trị của thửa (lô) đất.
2. Thửa (lô) đất được đấu giá phải bảo đảm những điều kiện sau đây:
 - a) Thuộc quỹ đất quy định tại Điều 4 Quy định này.
 - b) Đã có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.
 - c) Đã được chuyển mục đích sang đất ở, được giải phóng mặt bằng và xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật.
 - d) Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở, quyết định đấu giá quyền sử dụng đất, quyết định phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở.

Điều 6. Lập và phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Căn cứ quỹ đất được sử dụng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, cơ quan Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân (UBND) cùng cấp chỉ đạo các đơn vị đang được giao quản lý quỹ đất quy định tại Điều 4 của Quy định này lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở trình UBND cùng cấp phê duyệt.
2. Nội dung phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở thực hiện theo khoản 2 Điều 6 của Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Điều 7. Chuẩn bị hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Căn cứ phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đã được phê duyệt, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ của các thửa (lô) đất đấu giá, gửi đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi trình UBND cùng cấp có thẩm quyền quyết định đấu giá quyền sử dụng đất ở.
2. Hồ sơ thửa đất đấu giá quyền sử dụng đất ở thực hiện theo khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP.

Điều 8. Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Căn cứ hồ sơ đấu giá do đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở chuẩn bị và ý kiến thẩm định của cơ quan Tài nguyên và Môi trường, UBND cùng cấp quyết định đấu giá quyền sử dụng đất ở.

2. Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất ở được thể hiện bằng văn bản và có những nội dung chính sau đây:

- a) Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định.
- b) Danh mục, vị trí, diện tích thửa đất, mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất ở.
- c) Các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở, quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị, thiết kế mẫu nhà ở đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng thửa (lô) đất được quyết định đấu giá.
- d) Tên, địa chỉ của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở.

Điều 9. Xác định giá khởi điểm quyền sử dụng đất ở để đấu giá

1. Việc xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở được thực hiện theo quy định của pháp luật và phải phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng, giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với những nơi có đấu giá quyền sử dụng đất hoặc thu nhập từ việc sử dụng đất.

2. Hồ sơ trình phê duyệt giá khởi điểm của thửa đất đấu giá theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Người được tham gia đấu giá

1. Người được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở gồm: Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 55 của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội, trừ các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Người không được đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở:

a) Là những người được quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản, gồm:

Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

Người làm việc trong tổ chức đấu giá tài sản thực hiện cuộc đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành cuộc

đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người này.

b) Người không thuộc đối tượng được giao đất ở, người không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở quy định tại khoản 1 Điều này được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có đơn đề nghị đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở phát hành kèm theo bản phô tô chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng minh quân nhân của người tham gia đấu giá.

b) Đã nộp tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước theo quy định.

4. Quyền và nghĩa vụ của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở:

a) Được tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở cung cấp đầy đủ các thông tin về thửa (lô) đất đấu giá theo quy định.

b) Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, các quy định của pháp luật có liên quan và Quy chế cuộc đấu giá quyền sử dụng đất ở của tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở hoặc Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất ở quy định.

c) Được quyền khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 11. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở:

a) Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở là tổ chức phát triển quỹ đất cấp huyện hoặc đơn vị có chức năng được UBND cấp có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở.

b) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở:

Thực hiện quyền và nghĩa vụ của người có tài sản đấu giá theo quy định tại Điều 47 của Luật Đấu giá tài sản.

Phối hợp với tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở đảm bảo an ninh, trật tự cho cuộc đấu giá theo quy định pháp luật.

Tiếp nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến cuộc đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở bàn giao.

Thanh toán thù lao dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở cho tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

Phối hợp thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và giao đất cho người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở:

a) Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp và doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập theo quy định tại Điều 23 Luật Đấu giá tài sản.

b) Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định tại Điều 60 của Luật Đấu giá tài sản.

c) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Đấu giá tài sản; quyền và nghĩa vụ của Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất ở được thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Đấu giá tài sản.

Điều 12. Lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở thông báo công khai việc lựa chọn và kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp và Cổng thông tin điện tử của UBND các huyện, thành phố nơi có tài sản đấu giá.

2. Nội dung thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản. Các tiêu chí để lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở căn cứ hồ sơ tham gia đấu giá của tổ chức đấu giá và các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này để lựa chọn tổ chức đấu giá thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn của mình.

4. Sau khi tổ chức lựa chọn, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá phải lưu trữ hồ sơ lựa chọn tổ chức tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá; hồ sơ bao gồm:

- a) Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;
- b) Hồ sơ năng lực của các tổ chức đấu giá tài sản tham gia lựa chọn;
- c) Biên bản họp lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;
- d) Thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;
- đ) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 13. Hợp đồng và ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở phải được ký kết bằng văn bản giữa đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở với tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở được lựa chọn.

2. Nội dung Hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở, gồm:

a) Tên, địa chỉ của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở.

b) Vị trí thửa (lô) đất, diện tích, tờ bản đồ, địa chỉ thửa (lô) đất ở.

c) Giá khởi điểm của thửa (lô) đất; bước giá (nếu có).

d) Thời gian, địa điểm tổ chức cho khách hàng xem thửa (lô) đất trên thực địa.

đ) Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở.

e) Đối tượng, điều kiện được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở.

g) Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá quyền sử dụng đất ở.

h) Mức thu và xử lý tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước; thù lao dịch vụ đấu giá trong trường hợp đấu giá thành và trong trường hợp đấu giá không thành.

i) Thời hạn, địa điểm và phương thức bàn giao hồ sơ và Biên bản kết quả thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất ở.

k) Quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc thực hiện Hợp đồng.

l) Trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng.

m) Các nội dung khác do các bên thoả thuận.

3. Khi ký kết Hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở có trách nhiệm cung cấp cho tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở hồ sơ, các tài liệu theo quy định có liên quan đến thửa (lô) đất được đấu giá.

4. Việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở, hủy bỏ hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 33 và điểm đ khoản 1 Điều 47 Luật Đấu giá tài sản; điểm b, c, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BTP.

Điều 14. Quy chế cuộc đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở ban hành Quy chế cuộc đấu giá áp dụng cho từng cuộc đấu giá trước ngày niêm yết việc đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đấu giá tài sản. Nội dung Quy chế cuộc đấu giá thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Đấu giá tài sản, đồng thời phải quy định rõ về phiếu trả giá hợp lệ và phiếu trả giá không hợp lệ đối với hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá và đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp.

2. Phiếu trả giá hợp lệ cần có những nội dung và yêu cầu cơ bản sau:

a) Phiếu trả giá do tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở phát hành, có đóng dấu đỏ của tổ chức đấu giá và đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá trên góc phiếu.

b) Phiếu trả giá không được có sẵn thông tin cá nhân của khách hàng. Người tham gia đấu giá (hoặc người được ủy quyền) phải trực tiếp ghi đầy đủ, rõ ràng các thông tin: Họ, tên (bao gồm cả chữ đệm, nếu có); địa chỉ của người đăng ký tham gia đấu giá; họ tên, địa chỉ của người được ủy quyền (nếu có); địa chỉ khu đất; số lô đất; số phân lô; giá trả bằng số và bằng chữ; ký và ghi rõ họ tên (hoặc điểm chỉ vân tay); phiếu trả giá được viết bằng cùng một màu mực (không sử dụng mực màu đỏ, bút chì); phiếu không bị rách, nát.

c) Đối với mục số lô đất, phân lô và mục trả giá: số lô đất, số phân lô phải được viết bằng số và bằng chữ; giá trả lô đất ít nhất bằng giá khởi điểm trở lên, mệnh giá Việt Nam đồng; phải ghi đầy đủ cả bằng chữ và bằng số khớp nhau; mục số lô đất, số phân lô và mục trả giá không được tẩy xóa, sửa chữa, viết đè, tô lại, gạch đi viết lại.

d) Phiếu trả giá do người đăng ký tham gia đấu giá hoặc người được ủy quyền phải trực tiếp ghi tại cuộc đấu giá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; chỉ trong trường hợp người tham gia đấu giá không thể tự mình viết thì được nhờ nhân viên của tổ chức đấu giá viết hộ nhưng phải được sự đồng ý của đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá và phải được thể hiện trong Biên bản cuộc đấu giá.

đ) Phiếu phải được bỏ vào hòm phiếu đúng thời gian quy định.

e) Ngoài các nội dung nêu trên, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở có thể quy định thêm các nội dung khác trong phiếu trả giá để đảm bảo tính chặt chẽ trong việc xác định phiếu trả giá hợp lệ trong Quy chế cuộc đấu giá nhưng không được trái quy định của pháp luật. Đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá chịu trách nhiệm về việc xác định phiếu hợp lệ hoặc không hợp lệ tại cuộc đấu giá.

3. Phiếu trả giá không đáp ứng đủ những điều kiện về phiếu hợp lệ bị coi là không hợp lệ và không được tính kết quả trúng đấu giá.

Điều 15. Niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Niêm yết công khai và thông báo công khai việc đấu giá quyền sử dụng đất ở được thực hiện theo quy định tại Điều 35 và Điều 57 Luật Đấu giá tài sản.

2. Trong trường hợp tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở có thông báo tạm dừng cuộc đấu giá tài sản khi chưa đến hoặc chưa hết thời hạn bán hồ sơ theo thông báo, tổ chức đấu giá tài sản căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Đấu giá tài sản thực hiện đăng thông báo khi tiếp tục việc bán đấu giá tài sản. Nội dung thông báo công khai việc đấu giá tài sản theo quy định được thực hiện ưu tiên trên các báo in hoặc báo hình của tỉnh để tổ chức, cá nhân trong tỉnh thuận tiện theo dõi và tham gia.

Điều 16. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá do tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở phát hành gồm:

a) Đơn đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của Quy định này, gồm các nội dung: Họ và tên, địa chỉ, số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng minh quân nhân của người đăng ký tham gia đấu giá; tên khu đất đấu giá; số lượng thửa (lô) đất đăng ký tham gia đấu giá; số tiền mua hồ sơ; số tiền đặt trước; nội dung cam kết thực hiện đúng Quy chế cuộc đấu giá, ký và ghi rõ họ tên.

b) Thông báo đấu giá quyền sử dụng đất ở.

c) Sơ đồ quy hoạch chi tiết của thửa (lô) đất ở.

d) Quyết định phê duyệt giá khởi điểm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; danh mục thửa (lô) đất đưa ra đấu giá.

đ) Quy chế cuộc đấu giá.

2. Việc đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu giá tài sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở có thể ủy quyền cho người khác không cùng tham gia đấu giá thay mặt mình tham gia đấu giá, việc ủy quyền phải bằng bằng văn bản và được công chứng hoặc chứng thực theo quy định.

4. Danh sách người tham gia đấu giá và số lượng hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở được quản lý theo chế độ tài liệu mật và chỉ được công bố tại cuộc đấu giá.

Điều 17. Thu, quản lý và xử lý khoản tiền đặt trước, tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Mức tiền đặt trước từ 15- 20% giá khởi điểm của thửa (lô) đất đấu giá được quy định tại phương án đấu giá.

2. Việc thu, quản lý, xử lý tiền đặt trước được thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Luật Đấu giá tài sản.

3. Việc thu, quản lý và xử lý tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở:

a) Người tham gia đấu giá phải mua hồ sơ để đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định.

b) Tiền bán hồ sơ đấu giá theo mức thu quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản. Tiền mua hồ sơ đấu giá của người đăng ký tham gia đấu giá là khoản thu không được hoàn trả

lại cho người đăng ký tham gia đấu giá, trừ trường hợp không tổ chức đấu giá được theo thông báo hoặc không đủ điều kiện tổ chức đấu giá theo quy định.

Điều 18. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá, trình tự cuộc đấu giá và một số nội dung khác đối với cuộc đấu giá

1. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá được thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

2. Trình tự cuộc đấu giá được thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

Đối với cuộc đấu giá bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật Đấu giá tài sản, tại cuộc đấu giá, đấu giá viên phải trực tiếp điều hành, giải đáp các vấn đề liên quan đến Quy chế cuộc đấu giá và các vấn đề khác có liên quan đến cuộc đấu giá theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

3. Một số nội dung khác đối với cuộc đấu giá:

Tổ chức đấu giá gửi danh sách nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động đến Sở Tư pháp để biết. Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh gửi danh sách người tham gia giúp việc đấu giá viên tại các cuộc đấu giá đến Sở Tư pháp phê duyệt. Người giúp việc cho đấu giá viên tại cuộc đấu giá là những người trong danh sách nêu trên và đeo biển tên khi làm nhiệm vụ.

Điều 19. Giám sát thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Luật Đấu giá tài sản và Điều 11 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức có liên quan, xét thấy cần thiết, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh và một số cơ quan khác có liên quan thành lập Đoàn giám sát để thực hiện giám sát trình tự, thủ tục, quá trình diễn biến tại cuộc đấu giá. Đoàn giám sát được đề nghị đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở yêu cầu đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Đấu giá tài sản, yêu cầu đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá dừng cuộc đấu giá khi có căn cứ cho rằng đấu giá viên có hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản hoặc người tham gia đấu giá có hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c hoặc d khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản.

3. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở có trách nhiệm thông báo kế hoạch, thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá quyền sử dụng đất ở gửi Sở Tư pháp trước ngày tổ chức cuộc đấu giá 05 (năm) ngày làm việc để thực hiện việc giám sát.

Điều 20. Quyết định công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất ở

1. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền sử dụng đất, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở hoặc Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất ở chuyển kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá, tài liệu hồ sơ có liên quan đến cuộc đấu giá cho đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở để hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả đấu giá.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất ở quy định tại khoản 1 Điều này từ tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở lập hồ sơ chuyển cơ quan tài nguyên và môi trường để trình UBND cùng cấp xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá.

3. Hồ sơ trình ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở, bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở.
- b) Dự thảo quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng thửa đất ở.
- c) Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất ở của UBND cấp có thẩm quyền.
- d) Báo cáo về việc tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở.
- đ) Biên bản trúng đấu giá.
- e) Hồ sơ thửa (lô) đất đấu giá.
- g) Hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất ở.
- h) Tài liệu khác liên quan đến cuộc đấu giá quyền sử dụng đất.

4. UBND cấp có thẩm quyền ký ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất bao gồm các nội dung sau:

- a) Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định;
- b) Vị trí, diện tích, mục đích, hình thức, thời hạn sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật;
- c) Tên, địa chỉ của người trúng đấu giá quyền sử dụng đất;
- d) Số tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất; phương thức, địa điểm, thời gian phải nộp tiền trúng đấu giá;
- đ) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 21. Nộp tiền sử dụng đất sau khi trúng đấu giá

1. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền sử dụng đất, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở hoặc Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất ở chuyển kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá, tài liệu hồ sơ có liên quan đến cuộc đấu giá cho đơn vị

tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở để hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả đấu giá.

2. Thời hạn nộp tiền sử dụng đất ở sau khi trúng đấu giá theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

3. Quá thời hạn nộp tiền mà người trúng đấu giá không nộp hoặc không nộp đủ tiền sử dụng đất ở theo Thông báo thì cơ quan Tài nguyên và Môi trường phối hợp với cơ quan Thuế, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở trình UBND cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định hủy kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở, toàn bộ tiền đặt trước của người trúng đấu giá bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

4. Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất ở vào Kho bạc nhà nước và chuyển chứng từ đã nộp tiền đến cơ quan Thuế để kê khai, nộp lệ phí trước bạ theo quy định; đồng thời chuyển chứng từ đã nộp tiền đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất ở theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của các Sở, ngành và các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành, tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất ở tại các tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở, UBND huyện, thành phố nhằm kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý những sai phạm, tiêu cực trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất ở.

b) Thẩm tra, đánh giá các tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở đáp ứng các tiêu chí theo quy định của pháp luật đấu giá tài sản; rà soát, công bố danh sách tổ chức đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để công bố theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và Công an tỉnh tham gia giám sát trực tiếp cuộc đấu giá khi thấy cần thiết và theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

d) Báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp về tổ chức và hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở quản lý, sử dụng tiền đặt trước đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định pháp luật.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của UBND các huyện, thành phố.

b) Tổ chức thẩm tra hồ sơ xác định giá khởi điểm do UBND cấp huyện, thành phố trình, gửi Hội đồng thẩm định giá đất để thẩm định. Căn cứ kết quả thẩm định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

c) Theo dõi, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định.

3. Sở Tài chính:

a) Là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định giá tỉnh, có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ tài liệu và tham mưu cho Hội đồng tổ chức thực hiện thẩm định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định.

b) Hướng dẫn các các đơn vị có liên quan chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất ở.

c) Phối hợp với cơ quan Thuế theo dõi, đôn đốc việc thu, nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Theo dõi, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định.

4. Công an tỉnh:

a) Phối hợp UBND các huyện, thành phố bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn cho cá nhân, tổ chức khi tham gia vào hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất ở.

b) Theo dõi, phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan giám sát các cuộc đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định.

5. Cơ quan Thuế:

a) Thông báo số tiền sử dụng đất, các khoản tài chính có liên quan phải nộp cho người trúng đấu giá bằng văn bản sau khi nhận được Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của UBND cấp có thẩm quyền.

b) Hướng dẫn người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất ở, các khoản tài chính có liên quan phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo kết quả trúng đấu giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp việc thu tiền sử dụng đất ở theo kết quả trúng đấu giá, đề xuất xử lý các trường hợp không nộp tiền sử dụng đất trúng đấu giá theo quy định.

d) Theo dõi, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra việc đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định.

6. Kho bạc Nhà nước:

Thực hiện thu tiền sử dụng đất ở trúng đấu giá theo thông báo do cơ quan Thuế ban hành, các khoản thu khác (nếu có) của người trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở và cung cấp chứng từ cho người nộp.

7. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất ở:

a) Hàng năm xây dựng kế hoạch và căn cứ vào quỹ đất được sử dụng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, báo cáo cơ quan Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Lập hồ sơ gửi cơ quan Tài nguyên và Môi trường để trình UBND cấp có thẩm quyền công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở.

c) Chuyển hồ sơ, giấy tờ liên quan cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá; phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường và UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất đấu giá, tổ chức thực hiện bàn giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở.

d) Phối hợp, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp việc thu tiền sử dụng đất ở trúng đấu giá, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm quy định về đấu giá quyền sử dụng đất ở theo thẩm quyền.

đ) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu về đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định của Nhà nước;

e) Quản lý, sử dụng tiền bán hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất; thanh quyết toán chi phí, thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của pháp luật.

8. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến việc đấu giá quyền sử dụng đất ở tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định và có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Quy định này.

Điều 23. Trách nhiệm của UBND huyện, thành phố

1. Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

2. Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch và các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc UBND huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định tại Quy định này và quy định của pháp luật về đấu giá.

3. Quyết định phê duyệt giá khởi điểm đối với các trường hợp được ủy quyền, phương án đấu giá, dự toán chi phí đấu giá, quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở.

4. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (kèm các hồ sơ có liên quan) cho người trúng đấu giá là hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật.

5. Giám sát chặt chẽ và chịu trách nhiệm về những sai phạm trong công tác đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn. Xử lý hoặc đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm quy định về đấu giá quyền sử dụng đất.

6. Định kỳ hàng quý tổng hợp kết quả đấu giá gửi Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Công an tỉnh và Cục Thuế tỉnh Bắc Giang vào ngày 05 tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

7. Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn phối hợp với tổ chức đấu giá tài sản quyền sử dụng đất ở thực hiện niêm yết việc đấu giá quyền sử dụng đất ở tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn; thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng của xã, phường, thị trấn việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa (lô) đất được đấu giá.

Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu, viện dẫn tại Quy định này có sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.